

Đề bài:

**Hồ Hoàn Kiếm và đền  
Ngọc Sơn là một trong  
những di tích lịch sử nổi  
tiếng của đất nước ta.  
Em hãy viết bài ca ngợi  
Hồ Hoàn Kiếm và đền  
Ngọc Sơn.**

## Bài làm 1

Nếu hồ Hoàn Kiếm là một đoạn dòng cũ của sông Hồng để lại sau khi sông chuyển dòng thì tới nay hồ đã có đến vài nghìn tuổi. Nhưng cái tên Hoàn Kiếm thì mới có từ năm thế kỉ nay. Trước đó, hồ có tên là Lục Thủy vì nước hồ bốn mùa xanh ngắt. Tới thế kỷ XV có tên Hoàn Kiếm do sự tích Lê Lợi trả gươm. Truyền kể rằng Lê Lợi khi còn ở Lam Sơn có bắt được một thanh gươm. Gươm ấy luôn ở bên ông trong suốt 10 năm chinh chiến. Khi dẹp xong giặc Minh, vua Lê về Thăng Long, một hôm ngự thuyền dạo trên hồ Lục Thủy, bỗng có con rùa nổi lên, ông rút gươm ra chỗ thì rùa liền đớp ngay thanh gươm mà lặn xuống. Như vậy là vua trả gươm cho trời. Vì vậy, hồ có tên là Hoàn Kiếm, gọi nôm na là *Hồ Gươm*. Sau thủy quân dùng hồ làm nơi luyện tập nên có thêm tên là *Thủy Quân hồ*.

Theo truyền thuyết thì đời Lê Thánh Tông (nửa sau thế kỉ XV) chỗ này là gò Tháp Rùa từng là *Điếu đài*, tức là nơi vua đến ngồi câu cá. Nhưng chỉ từ sau khi trung hưng thì chúa Trịnh mới bắt đầu trang điểm cho hồ. Đời Vĩnh Hựu, chúa Trịnh Giang lập cung Khánh Thụy ở đạo Ngọc làm nơi hóng gió ngày hè. Sau đó Trịnh Doanh cho đắp ở bờ hồ gò Ngọc Bội để ghi chiến công đánh dẹp Quận Hảo ở núi Ngọc Bội (vùng Tam Đảo ngày nay). Đầu thế kỉ XX, một ngôi chùa được dựng lên trên nền cung Khánh Thụy cũ và có tên là chùa *Ngọc Sơn*. Ít lâu sau, không thờ Phật nữa mà thờ thánh Văn Xương, chủ về văn chương khoa cử – và Đức thánh Trần, tức anh hùng Trần Quốc Tuấn, do vậy được đổi gọi là *đền Ngọc Sơn*. Năm 1864, Nguyễn Văn Siêu, nhà văn hóa lớn của Hà Nội thời đó, đã đứng ra sửa sang lại toàn cảnh. Trên núi Ngọc Bội, ông xây một ngọn tháp hình bút lông, thân tháp có tạc ba chữ *Tả thanh thiên* (viết lên trời xanh). Đó là Tháp Bút. Đi qua Tháp Bút tới một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên vì trên có một cái nghiên mực bằng đá. Quanh nghiên có khắc một bài *minh* nói về công dụng của cái nghiên xét về mặt triết học. Qua Đài Nghiên đến cầu Thê Húc (có nghĩa: nói ánh mặt trời đậu lại). Cầu dẫn đến Đắc Nguyệt lầu tức là cổng đền Ngọc Sơn. Đền có ba nếp, nếp ngoài là bái đường, nếp giữa là nơi thờ Văn Xương và nếp sau thờ Trần Hưng Đạo. Trước mặt nhà bái đường là Trấn Ba Đình (đình chấn sóng). Nhìn thẳng về hướng Nam là gò Tháp Rùa. Tháp chỉ mới có từ cuối thế kỉ XIX, kiến trúc không có gì đặc sắc nhưng đã trở thành biểu tượng quen thuộc của Hồ Gươm Hà Nội.

Ngày nay, khu vực quanh hồ đã thành tên là Bờ Hồ, là nơi nhân dân Thủ đô dạo chơi ngày hè, nơi đón giao thừa, lại còn là nơi tổ chức hội hoa đăng – đèn hoa, pháo hoa trong những dịp Quốc khánh hằng năm.

Theo Văn hóa Việt Nam

## Bài làm 2

Đất nước Việt Nam tươi đẹp biết bao nhiêu, nơi đây là sự hội tụ của muôn vàn cảnh đẹp. Hơn thế nữa, nhưng thắng cảnh ấy còn gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn là một trong những di tích lịch sử nổi tiếng của đất nước ta.

Hồ Hoàn Kiếm trước có tên là Hồ Lục Thủy vì nước hồ bốn mùa xanh ngắt. Tới thế kỉ XV hồ có tên là Hoàn Kiếm do sự tích Lê Lợi trả gươm. Truyện kể rằng Lê Lợi khi còn ở Lam Sơn có bắt được một thanh gươm, gươm luôn ở bên ông. Khi lên ngôi, một hôm Vua Lê ngự thuyền dạo chơi trên hồ Lục Thủy, bỗng có một con rùa nổi lên đòi lại gươm. Vua trả lại gươm và rùa lặn xuống nước. Từ đó hồ có tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

Tháp Rùa ngày nay theo tương truyền vào thế kỉ XV là nơi vua ngồi câu cá gọi là Đài Đài. Đồi Vĩnh Hựu chúa Trịnh Doanh lập cung Khánh Thụy làm nơi hứng gió. Sau đó xây dựng chùa Ngọc Sơn, ít lâu sau thành đền Thánh Văn Xương. Năm 1864, Nguyễn Văn Siêu một nhà văn hóa lớn cho xây một ngọn tháp hình bút lông đó là Tháp Bút. Đi qua Tháp Bút tới một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên vì trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá. Qua Đài Nghiên đến cầu Thê Húc, cầu dẫn đến Đắc Nguyệt Lầu tức là cổng đền Ngọc Sơn. Tháp Rùa là biểu tượng của hồ Gươm, Hà Nội.

Ngày nay khu vực quanh hồ đã thành tên Hồ Hoàn Kiếm là nơi nhân dân thủ đô dạo chơi ngày hè, nơi đón giao thừa, lại còn là nơi để tổ chức hội hoa đăng – đèn, pháo hoa – trong những ngày Quốc khánh hàng năm.

(Theo Tuần báo Du lịch)

## Bài làm 3

Theo các nhà khoa học, hồ là một đoạn sót lại của sông Hồng sau khi sông đã chuyển dòng như hiện nay. Sự việc sông nước biến thiên ấy diễn ra cách đây vài nghìn năm. Trước đây hồ có tên là Lục Thủy vì sắc nước bốn mùa xanh. Thế kỷ XV, hồ Lục Thủy đổi tên là hồ Hoàn Kiếm. Cái tên Hoàn Kiếm gắn liền với câu chuyện trả gươm cho rùa vàng của vua Lê Thái Tổ.

Đền Ngọc Sơn xưa được gọi là Tượng Nhĩ (tai voi), Lý Thái Tổ dời đô Thăng Long đặt tên là Ngọc Tượng, đến đời Trần đổi tên là Ngọc Sơn. Tại đây đã có một ngôi đền dựng lên để thờ những người anh hùng liệt sĩ đã hi sinh trong kháng chiến chống Mông Nguyên. Về sau lâu ngày đền ấy sụp đổ, đến thời Vĩnh Hựu nhà Lê (1735 – 1739), chúa Trịnh Giang đã dựng cung Thụy Khánh và đắp hai quả núi đất ở trên bờ phía đông đối diện với Ngọc Sơn gọi là núi Đào Tai và Ngọc Bội. Cuối đời Lê, cung Thụy Khánh bị Lê Chiêu Thống phá hủy. Một nhà từ thiện tên là Tín Trai, nhân nền cung cũ đã lập ra một ngôi chùa gọi là chùa Ngọc Sơn. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), chùa lại nhường cho một hội từ thiện đổi làm đền thờ Tam Thánh. Hội này đã bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính, các dãy phòng hai bên, đưa tượng Văn Xương để quân vào thờ và đổi tên là đền Ngọc Sơn

(Văn Xương là nhân vật đời Kiến Vũ, (25–55 sau công nguyên) bên Trung Quốc, sau khi chết y được phong là thần chủ về văn chương khoa).

Theo sách “*Hà thành linh tích cổ lục*” thì ngay từ đời Lê, trên đảo Ngọc đã có đền thờ Quan Công, người nổi tiếng trung nghĩa đời Tam Quốc (Trung Quốc). Khi vua Lê và chúa Trịnh dùng hồ là nơi duyệt thủy quân thì đền được coi như một võ miếu: Dân Hà thành đã đem tượng đúc thánh Trần thờ phối hưởng bên cạnh Quan Công, nhưng *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, lại cho đó là tượng Lê Lai công thần khai quốc đời Lê đã xả thân cứu chúa.

Năm Tự Đức thứ mười tám (1865) nhà nho Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu sửa lại đền. Đền mới sửa đắp thêm đất và xây kè đá xung quanh, xây đình Trấn Ba, bắc một cầu từ đông đi vào gọi là cầu Thê Húc.

Trên núi Ngọc Bội cũ, ông cho xây một tháp đá, đỉnh tháp hình ngọn bút lông, thân tháp có khắc 3 chữ “*Tả Thanh Thiên*” (viết lên trời xanh), ngày nay thường gọi nó là Tháp Bút. Tiếp đến là một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên, trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá hình nửa quả đào bỏ đôi theo chiều dọc, có hình 3 con ếch đội. Trên nghiên có khắc một bài minh nói về công dụng của cái nghiên mực xét về phương diện triết học. Người đời sau ca ngợi nhất là đài phương đình bút. Từ cổng ngoài đi vào có hai bức tường hai bên, một bên là bằng rỗng, một bên là bằng hổ, tượng trưng cho hai bằng cao quý nêu tên những người thi đỗ, khiến cho các sĩ tử đi qua càng gắng công học hành.

Tên cầu Thê Húc nghĩa là giữ lại ánh sáng đẹp của mặt trời. Cầu Thê Húc dẫn đến cổng đền Ngọc Sơn, còn gọi là Đắc Nguyệt Lâu (lầu được trăng) dưới bóng cây đa cổ thụ, ở giữa một vùng cây cối um tùm, trông như từ dưới nước nhô lên. Đền chính gồm hai ngôi nối liền nhau, ngôi đền thứ nhất về phía bắc thờ Trần Hưng Đạo và Văn Xương. Tượng đặt ở hậu cung trên kê đá cao khoảng 1m, hai bên có hai cầu thang bằng đá. Tượng Văn Xương đứng, tay cầm bút. Phía nam có đình Trấn Ba (đình chấn sóng – ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng không lạnh mạnh trong nền văn hóa đương thời). Đình hình vuông có 8 mái, mái hai tầng có một cột chống đỡ, bốn cột ngoài bằng đá, bốn cột bằng gỗ.

Các nhân vật được thờ trong đền ngoài Văn Xương Đế Quân, Lã Động Tân, Quan Vân Trường, Trần Hưng Đạo, còn thờ cả Phật A-di-đà. Điều này thể hiện quan niệm “tam giáo đồng nguyên” của người Việt.

Tuy là một ngôi đền kiến trúc mới, song đền Ngọc Sơn là một điển hình về không gian và tạo tác kiến trúc. Sự kết hợp giữa đền và hồ đã tạo thành một tổng thể kiến trúc thiên – nhân hợp nhất, tạo vẻ đẹp cổ kính, hài hòa, đăng đối cho đền và hồ, gọi lên những cảm giác chan hòa giữa con người và thiên nhiên. Đền và hồ đã trở thành những chứng tích gọi lại những kỷ niệm xa về lịch sử dân tộc, thức tỉnh niềm tự hào, yêu nước chính đáng, cũng như tâm linh, ý thức mỗi người Việt Nam trước sự trường tồn của dân tộc.

(Theo trang Thủ đô – Sài Gòn giải phóng)